

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-PT
Ngày: 18 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Các thẩm phán: Bà Bùi Thị Thảo

Ông Tô Văn Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 24/2019/TLPT - HS ngày 09 tháng 05 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HS-ST ngày 29 tháng 03 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

****Bị cáo có kháng cáo:***

Nguyễn Văn N, sinh năm 1971; tại xã H, huyện K, tỉnh B; nơi cư trú: Xóm 2, xã H, huyện K, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị X; có vợ: Mai Thị N và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền sự: Không;

Tiền án: Tại bản án số 37 ngày 21/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh N xử phạt Nguyễn Văn N 06 tháng tù về tội “đưa hối lộ”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù về địa phương ngày 07/12/2017.

Nhân thân: Bản án số 18/2008/HSST ngày 26/8/2008, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh B xử phạt Nguyễn Văn N 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “đánh bạc”, khấu trừ 5% thu nhập, phạt bổ sung 3.000.000 đồng. Bị cáo N đã có quyết định được miễn chấp hành hình phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/10/2018 tại trại tạm giam công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

** Trong vụ án này còn có các bị cáo khác; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị: (Tòa án không triệu tập).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2018 Lê Toàn T quen biết với một người nam thanh niên tên N1, cư trú tại huyện P, thành phố N. Trong quá trình nói chuyện T biết N1 có tài khoản cá độ bóng đá trên mạng Internet trong mùa World cup nếu khách có nhu cầu chơi thì T giới thiệu khách chơi cho N1, N1 sẽ trả % hoa hồng cho T. T đồng ý do tin tưởng nhau nên T và N1 chưa thống nhất cụ thể N1 sẽ trả tỷ lệ bao nhiêu % hoa hồng cho T. Do T có quan hệ với N, khi N biết T có cung cấp tài khoản cá độ bóng đá trên mạng Internet trong thời gian diễn ra các trận bóng đá của vòng chung kết World cup 2018. N muốn tham gia chơi cá độ bóng đá nên ngày 28/6/2018, N dùng điện thoại hiệu Nokia 105 màu đen lắp sim 0911.335.158 gọi điện đến số điện thoại 0948.394.661 của T để T cung cấp 01 tài khoản chơi cá độ với hạn mức từ 45.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng T đồng ý rồi sử dụng điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 lắp sim 0948.394.661 gọi đến số điện thoại 01665.326.233 của người thanh niên tên N1 hỏi lấy tài khoản, sau đó người thanh niên tên N1 nhắn tin cho T 01 tài khoản cá độ bóng đá có ID đăng nhập là “DTF36806009” và mật khẩu là “Tttt1111” với hạn mức theo yêu cầu của N là 1.500 Yen = 45.000.000 đồng, sau đó T đã gửi tài khoản cá độ cho N để chơi. T và N thống nhất quy đổi 01 yen = 30.000 đồng. Việc T cung cấp tài khoản và mật khẩu cá độ cho N thì N không phải thanh toán tiền, nếu đánh không hết số tiền trong tài khoản đã nhận thì N cũng không phải thanh toán số tiền còn lại. Việc thanh toán thắng thua sẽ diễn ra vào ngày hôm sau khi người chơi đã tham gia cá cược trận đấu của những ngày trước đó. Lê Toàn T sẽ giúp người tên N1 đứng ra thanh toán tiền thắng thua với Nguyễn Văn N khi N1 thông báo về.

Khi có được tài khoản, khoảng 00 giờ ngày 29/6/2018 Nguyễn Văn N đi bộ đến nhà anh Nguyễn Văn C, trú tại xã H, huyện K, tỉnh B để xem bóng đá, đang trên đường đi N gặp anh Phạm Văn T1, trú tại xóm 1 xã H, huyện K và một người bạn của T1 tên là Phạm Văn T2 cùng xã. Quá trình nói chuyện T1 biết N có tài khoản cá độ bóng đá trên mạng Internet; do cũng có nhu cầu cá độ bóng đá nên T1 hỏi N về các kèo cá độ trận đấu giữa đội Panama và đội Tunisia trên mạng Internet. N thông báo các kèo trận đấu cũng như tỷ lệ cược và tỷ lệ thắng cược với T1, sau đó T2 và T1 thống nhất rủ nhau sử dụng tổng số tiền 1.660.000 đồng, trong đó mỗi người nộp 830.000 đồng để T1 nhờ N đặt cược kèo tài xỉu trận đấu giữa đội Phanama và đội Tunisia, nếu T cược T1 và T2 sẽ nhận 2.000.000 đồng, nếu thua phải trả N 1.660.000 đồng. N đồng ý nhận kèo cá cược của T1 với số tiền 1.660.000 đồng nhưng chưa lấy tiền. Khi đến nhà anh C, N thấy anh C đang sử dụng chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell Vostro có kết nối Internet để đọc báo nên N hỏi mượn anh C chiếc máy xách tay trên để vào mạng Internet đọc báo, anh C không biết N mượn máy tính để vào mạng Internet cá độ bóng đá nên đồng ý cho N mượn. Sau khi

mượn được máy tính của anh C, N vào mạng đăng nhập tài khoản, mật khẩu để cá độ bóng đá do Lê Toàn T cung cấp vào trang Web “bong88.com” để xem các kèo cá độ, tỷ lệ thắng thua của trận đấu giữa đội Panama và đội Tunisia diễn ra lúc 01 giờ ngày 29/6/2018. Lúc này Phạm Quang A ở xã H cũng đang ở nhà anh C để chờ xem bóng đá. A biết N xem các kèo cá độ bóng đá trên mạng Internet, A có nhu cầu cá độ bóng đá nên A hỏi N về việc các kèo cá độ trên mạng trận đấu giữa hai đội Panama và đội Tunisia. N thông báo các kèo cá độ cho A, A đồng ý và thỏa thuận với N sẽ bắt kèo tỷ số giữa Panama và đội Tunisia với số tiền đặt cược là 3.400.000 đồng, N đồng ý nhận số tiền đặt cược của A với tỷ lệ thắng thua như đã thỏa thuận. Sau khi đã nhận các kèo cá cược của T1 và A thì N sử dụng tài khoản và mật khẩu cá độ bóng đá do T cung cấp và tham gia cá cược với nhà mạng 04 kèo cụ thể như sau:

- Kèo số 01: Là kèo “ tỷ số: Nguyễn Văn N nhận của Phạm Văn A, do A sử dụng số tiền 3.400.000 đồng để cược kèo N cân đối với số tiền và tỷ lệ cược sau đó xác nhận cược trong tài khoản của N số tiền 133 Yên, nhà mạng cân đối tỷ lệ và trả lại tài khoản của N 22.61 Yên. N còn sử dụng 110,39 Yên = 3.311.700 đồng để đặt cược; Kèo này N thắng được 133 Yên = 3.990.000 đồng với nhà mạng. Tổng số tiền đánh bạc giữa N và nhà mạng trong kèo này là 243.39 Yên = 7.301.700 đồng. Tổng số tiền N và A thỏa thuận đánh bạc với nhau là 7.400.000 đồng (Về số tiền trúng thưởng N phải bù thêm 10.000 đồng để trả tiền thắng cược cho A như đã thỏa thuận từ trước. Còn về số tiền gốc A nhờ N đặt cược là 3.400.000 đồng nhưng khi N đặt cược với nhà mạng N chỉ đặt 110,39 Yên = 3.311.700 đồng; do vậy số tiền thực tế của A đặt cược với N và số tiền thực tế cược với nhà mạng bị chênh nhau 88.300 đồng).

- Kèo số 02: Là kèo “tài xỉu” N tự đánh và đã cược 133 Y với nhà mạng cân đối tỷ lệ và trả lại tài khoản của N 53,2 Yên, N còn sử dụng số tiền là 79,8 Yên = 2.394.000 đồng để đặt cược. Kèo này N thắng được số tiền là 133 Yên = 3.990.000 đồng với nhà mạng. Tổng số tiền đánh bạc giữa N và nhà mạng trong kèo này là 212,8 Yên = 6.384.000 đồng.

- Kèo số 03: là kèo “tài xỉu” N nhận của Phạm Văn T1. T1 cược 1.660.000 đồng nên N tự cân đối số tiền và xác nhận cược 66 Yên, nhà mạng cân đối tỷ lệ và trả lại tài khoản của N 11,22 Yên. N còn sử dụng 54,78 Yên = 1.643.400 đồng để đặt cược. Kèo này N thắng được 66 Yên = 1.980.000 đồng với nhà mạng. Tổng số tiền đánh bạc giữa N và nhà mạng trong kèo này là 120,78 Yên = 3.623.400 đồng. Tổng số tiền N và T1 thỏa thuận đánh bạc với nhau là 3.660.000 đồng (Về số tiền trúng thưởng N phải bù 20.000 đồng để trả cho T1 như đã thỏa thuận từ trước, còn về số tiền gốc T1 nhờ N đặt cược là 1.660.000 đồng nhưng khi N đặt cược với nhà mạng N chỉ đặt 54,78 Yên = 1.643.400 đồng , do vậy số tiền thực tế của T1 đặt cược với N và số tiền thực tế N đặt cược với nhà mạng bị chênh nhau 16.600 đồng).

- Kèo số 04: Là kèo “rung phạt góc” N tự đánh và xác nhận cược 43 Yên, nhà mạng cân đối tỷ lệ và trả lại tài khoản của N 37 Yên, N còn sử dụng 06 Yên = 180.000 đồng để đặt cược. Kèo này N thắng được số tiền là 43 Yên = 1.290.000 đồng với nhà mạng. Tổng số tiền đánh bạc giữa N và nhà mạng trong kèo này là 49 Yên = 1.470.000 đồng

Như vậy trong trận đấu giữa đội Panama và Tunisia diễn ra lúc 01 giờ ngày 29/6/2018 N tham gia cá cược 04 kèo với tổng số tiền đánh bạc với nhà mạng là 625, 97 Yên = 18.779.000 đồng trong đó tiền gốc là 250,97 Yên = 7.529.100 đồng, số tiền trúng thưởng là 375 Yên = 11.250.000 đồng

Tổng số tiền đánh bạc thực tế N tự đánh với nhà mạng và thỏa thuận với Phạm Quang A, Phạm Văn T1 và Phạm Văn T2 gồm 02 kèo N trực tiếp đánh 02 kèo là kèo số 02 và kèo 04 là 7.854.000 đồng và số tiền đánh bạc N tự thỏa thuận với Phạm Quang A là 7.854.000 đồng; với Phạm Văn T1 là 3.660.000 đồng. Như vậy số tiền N tự đánh bạc với nhà mạng và số tiền đánh bạc N đánh với A và T1 là 18.914.000 đồng.

Sau khi cá cược các kèo của trận đấu giữa đội Panama và đội Tunisia thì N thắng cược với số tiền 11.250.000 đồng. Chiều ngày 29/6/2018 N lên thành phố B và gặp T lấy số tiền thắng cược là 10.000.000 đồng số tiền thắng cược còn lại T nợ N.

Đến ngày 01/7/2018 thì hành vi đánh bạc của N, A, T, T1 và T2 bị cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B phát hiện.

Cơ quan điều tra đã chứng minh số tiền các bị cáo Nguyễn Văn N, Lê Toàn T, Phạm Quang A, Phạm Văn T1, Phạm Văn T2 đánh bạc cụ thể:

- Số tiền đánh bạc Nguyễn Văn N và Phạm Quang A tự thỏa thuận với nhau là 7.400.000 đồng gồm 3.400.000 đồng tiền A đặt cược và 4.000.000 đồng tiền trúng thưởng N phải trả cho A theo thỏa thuận.

- Số tiền đánh bạc giữa N và Phạm Văn T2 cùng Phạm Văn T1 tự thỏa thuận với nhau là 3.660.000 đồng gồm 1.660.000 đồng tiền T1 và T2 đặt cược và 2.000.000 đồng tiền trúng thưởng N phải trả cho T1 và T2 theo thỏa thuận.

Tổng số tiền đánh bạc giữa Nguyễn Văn N và nhà mạng là 18.779.100 đồng nên Lê Toàn T là người có hành vi cung cấp tài khoản cá độ cho N đánh bạc với nhà mạng cũng phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm số tiền đánh bạc của Nguyễn Văn N là 18.779.100 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HS-ST ngày 29/03/2019 Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N, Phạm Quang A, Lê Toàn T phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn N 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo Phạm Quang A, Lê Toàn T mỗi bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo, thử thách là 5 năm và phạt bổ sung mỗi bị cáo 10 triệu đồng, quyết định các biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/4/2019, bị cáo Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ mức hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn N vẫn giữ yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tại phiên tòa phúc thẩm xác định về hình thức đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Sau khi phân tích vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và yêu cầu kháng cáo của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ vào: điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HS-ST ngày 29/03/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B về phần hình phạt. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, phạt tiền bổ sung 10.000.000 đồng. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn N thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù với biên bản vi phạm quả tang. Đã có đủ căn cứ để kết luận: Nguyễn Văn N đã có hành vi đánh bạc cụ thể như sau:

- Tổng số tiền đánh bạc giữa Nguyễn Văn N và nhà mạng là 18.779.100 đồng.
- Số tiền đánh bạc Nguyễn Văn N và Phạm Quang A tự thỏa thuận với nhau là 7.400.000 đồng gồm 3.400.000 đồng tiền An đặt cược và 4.000.000 đồng tiền trúng thưởng N phải trả cho A theo thỏa thuận.
- Số tiền đánh bạc giữa N và Phạm Văn T2 cùng Phạm Văn T1 tự thỏa thuận với nhau là 3.660.000 đồng gồm 1.660.000 đồng tiền T1 và T2 đặt cược và 2.000.000 đồng tiền trúng thưởng N phải trả cho T1 và T2 theo thỏa thuận.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn N là đã phạm tội “Đánh bạc”, thuộc trường hợp sử dụng mạng internet, mạng máy tính, phương tiện điện tử để phạm tội. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo N là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N về hình phạt:

Bản án sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các quy định của pháp luật để xử phạt 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc” đối với bị cáo N.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn N đề nghị xem xét giảm nhẹ mức hình phạt với lý do bản án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo mức hình phạt quá nặng. Bị cáo trình bày sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nhận thức được rõ hành vi vi phạm pháp luật của mình và rất hối hận, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn. Ngoài ra, bị cáo N không trình bày thêm được tình tiết giảm nhẹ mới nào khác mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bị cáo N phạm tội trong trường hợp tái phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, xử phạt bị cáo N 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, đúng pháp luật và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo N là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HS-ST ngày 29/03/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B về phần hình phạt đối với bị cáo N.

[4] Yêu cầu kháng cáo của bị cáo N không được chấp nhận nên bị cáo N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 321; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HS-ST ngày 29/03/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B về phần hình phạt.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N: 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam bị cáo: 21/10/2018;

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn N 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 18/6/2019./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao (01bản);
- VKSND Cấp cao (01 bản);
- KTGD (02bản);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (03bản);
- Phòng HSNV – Công an TB (01bản);
- Tòa nhân dân TPB (03 bản);
- VKSND TPB (01bản);
- Chi cục THA- TPB (01bản);
- Công an TPB (01bản);
- Bị cáo (01bản);
- Sở tư pháp tỉnh B (01 bản);
- Lưu phòng HCTP (01bản);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM / HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Đức Hiệp

